TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 891/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga

2. Ông Phạm Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 540/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1974; địa chỉ thường trú: F Ấp F, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1973; địa chỉ: F Ấp F, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 21/01/2022, các bản tự khai và biên bản hoà giải, nguyên đơn ông Hoàng Ngọc T trình bày như sau:

Ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc D chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2007.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về tình cảm. Sau khi kết hôn thì vợ chồng đã có mâu thuẫn, tuy nhiên ông T vẫn cố gắng sống chung do con còn nhỏ. Bà D đối xử với cha mẹ và người thân của ông T không tốt nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã sống ly thân 08 năm nay, không có liên hệ với nhau về tình cảm, những lần nói chuyện chỉ vì công việc làm ăn của gia đình, còn tình cảm thì không thể nói chuyện cũng như không hàn gắn được nữa. Nay ông T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà D. Yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn sớm để ông T ổn định cuộc sống vì vợ chồng đã mâu thuẫn quá lâu, tình cảm vợ chồng không còn, ly thân 08 năm nếu kéo dài thêm chỉ mệt mỏi cho cuộc sống của ông T.

Về con chung: Ông Hoàng Ngọc T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ Hoàng Ngọc L, sinh ngày 23/9/2008 và Hoàng Ngọc T1, sinh ngày 28/02/2014 và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp bà D cương quyết yêu cầu được nuôi con thì ông T đồng ý giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trung cấp d nuôi con chung mỗi trẻ 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/8/2023, nguyên đơn ông Hoàng Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà D và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và có con chung đúng như ông T đã trình bày.

Bà D xác nhận quan hệ vợ chồng có mâu thuẫn từ khoảng 6, 7 năm nay, lý do vì ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, thậm chí còn có con với người đó. Mỗi lần về nhà ông T thường có thái độ cáu gắt với vợ, không muốn nói chuyện với vợ, thường xuyên ăn nhậu qua đêm không về. Do hiện nay các con còn nhỏ, bà D không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con, con bị xa sút chuyện học hành cũng vì cha mẹ mâu thuẫn tình cảm với nhau, điều đó khiến bà D không yên tâm và không đồng ý ly hôn. Bà D xác định vẫn còn thương chồng, thương con không bỏ bê gia đình.

Tuy nhiên, sau nhiều lần Toà án hoà giải đoàn tụ để vợ chồng có thể hàn gắn tình cảm nhưng không thành, nay nếu ông T cương quyết ly hôn thì bà đồng ý vì vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, khó hàn gắn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ Hoàng Ngọc L, sinh ngày 23/9/2008 và Hoàng Ngọc T1, sinh ngày 28/02/2014. Yêu cầu ông Trung cấp d nuôi con mỗi trẻ 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ngày 13/9/2022, bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu chia các tài sản chung sau:

1. Nhà và đất thuộc thửa 511, tờ bản đồ số 65 tại địa chỉ F Ấp F, xã P, huyện

B, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị tạm tính là 800.000.000 đồng. Bà D đồng ý để ông T quản lý, sử dụng nhà và đất trên. Ông T có trách nhiệm thanh toán cho bà D số tiền 150.00.000 đồng.

2. Nhà và đất thuộc thửa đất số 517, tờ bản đồ số 65 tại địa chỉ F Ấp F, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị tạm tính là 500.000.000 đồng. Diệp yêu cầu được nhận nhà và đất trên.

3. Xe ô tô bán tải có biển kiểm soát: 51C-551.05. Bà D đồng ý để ông T tiếp tục quản lý, sử dụng. Giá trị tạm tính là 200.000.000 đồng. Ông T có trách nhiệm thanh toán cho bà D số tiền 100.000.000 đồng.

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T2 (Giấy phép kinh doanh số: 4104001750) tại địa chỉ F Ấp F, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đồng ý giao cho ông T quản lý, điều hành hoạt động của Công ty và làm chủ doanh nghiệp. Ông T có trách nhiệm thành toán cho bà D số tiền 200.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà D yêu cầu được chia tạm tính là 950.000.000 đồng.

Về nợ chung: Bà D và ông T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh Đ số tiền còn nợ là 800.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số: 053.021.21.0187 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số: 02.021.2021.0173 do bà D và ông T ký ngày 01/6/2021. Bà D có trách nhiệm trả số tiền 400.000.000 đồng.

Ngày 25/8/2023, bà D có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung và nợ chung. Bà D và ông T đã tự thoả thuận được với nhau về phương án phân chia tài sản chung và nợ chung.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Toà án đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn. Ông Hoàng Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc D chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà D, bị đơn cư trú tại huyện B nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Ngày 25/8/2023, nguyên đơn ông Hoàng Ngọc T và bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu xét xử vắng mặt của các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung.

Toà án đã tiến hành triệu tập các đương sự nhiều lần để hoà giải hàn gắn tình cảm, tuy nhiên trong các buổi làm việc tại Toà, ông T và bà D vẫn không thể nói chuyện với nhau, ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Ông T cho rằng vợ chồng đã mâu thuẫn từ ngay khi kết hôn, đã không có sự tin tưởng và chia sẻ lẫn nhau nên tình cảm rạn nứt và không thể cùng nhau chăm lo cho con và xây dựng hạnh phúc gia đình. Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn từ lâu, sống ly thân và không có liên hệ gì về tình cảm. Ông T còn có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bỏ bê gia đình, giao con cái lại cho bà D chăm sóc. Tuy nhiên, vì con còn nhỏ nên bà D vẫn mong ông T suy nghĩ lại để cùng chăm sóc con chung. Qua nhiều lần hoà giải, đối với thái độ cương quyết ly hôn của ông T thì bà D xác nhận nếu ông T không còn tình cảm và muốn ly hôn thì bà đồng ý, vì tình cảm đã không còn níu kéo cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được…".

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc ông T yêu cầu ly hôn với bà D là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

b) Về con chung: Ông Hoàng Ngọc T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ Hoàng Ngọc L, sinh ngày 23/9/2008 và Hoàng Ngọc T1, sinh

ngày 28/02/2014 và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp bà D cương quyết yêu cầu được nuôi con thì ông T đồng ý giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trung cấp d nuôi con chung mỗi trẻ 10.000.000 đồng/tháng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông Trung cấp d nuôi con mỗi trẻ 10.000.000 đồng/tháng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Toà án tiến hành lập biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Hoàng Ngọc L và Hoàng Ngọc T1, các trẻ cho biết nếu cha mẹ không sống chung với nhau thì trẻ có nguyện vọng được sống chung với mẹ, do mẹ là người chăm sóc và đưa đón các trẻ đi học.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T về việc giao các con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và ông Trung cấp d nuôi con mỗi trẻ 10.000.000 đồng/tháng.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 13/9/2022 bà D có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên đến ngày 25/8/2023 bà D có đơn yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Việc bị đơn rút yêu cầu phản tố là tự nguyện và không trái quy định pháp luật, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn và đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố.

4. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn. Ông Hoàng Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

5. Về án phí: Ông Hoàng Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

6. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc D tự nguyện chịu chi phí đo vẽ; xem xét thẩm định tại chỗ; thẩm định giá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Ngọc T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Ngọc T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2007 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung:

Giao hai con chung Hoàng Ngọc L, sinh ngày 23/9/2008 và Hoàng Ngọc T1, sinh ngày 28/02/2014 cho bà Nguyễn Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng vào ngày 01 dương lịch, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/tháng, bắt đầu thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp, ông T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thực hiện tại thời điểm thanh toán.

Ông Hoàng Ngọc T không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung. Các bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Hoàng Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0040545 ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; ông T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.250.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0041636 ngày 08/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc D tự nguyện chịu chi phí đo vẽ; xem xét thẩm định tại chỗ; thẩm định giá.

4. Các quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựa thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

m Thị Tuyết

Phạm Thị Tuyết